TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 6 năm 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Quân, Bà Lường Thị Khuyển.
- Thư ký phiên tòa:
Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã *tham gia phiên tòa*:
Ông Quàng Văn Cuộc - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc Ly hôn - Theo quyết định xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn H - Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã, Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại đội 49, phân trại số K1, Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mường Sai, huyện Sông Mã,tỉnh Sơn La vào năm 2011. Vợ cH chung sống hạnh phúc có được hai người con chung thì đến năm 2016 anh H bị Toà án xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, anh H đã làm đơn ly hôn chị nhưng do đang đi chấp hành án không có điều kiện nộp đơn và khi đó chị Thao chưa muốn ly hôn nên chưa làm đơn. Nay chị xét thấy

tình cảm vợ cH không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Lò Manh D sinh ngày 16/6/2009 và Lò Huyền H sinh ngày 28/4/2014 hiện nay hai con đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tiến hành uỷ thác lấy lời khai của anh H và công khai chứng cứ cho anh H theo đúng quy định. Anh H có ý kiến trình bày:

Anh và chị Thao kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Anh và chị Thao chung sống phúc đến năm 2016 thì anh vi phạm pháp luật, nay chị Thao đề nghị ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Thao có hai người con chung là Lò Manh D và Lò Huyền H. Anh nhất trí để chị Thao trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tại phiên toà:

*Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T ly hôn anh Lò Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Lò Manh D sinh ngày 16/6/2009 và Lò Huyền H sinh ngày 28/4/2014 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Thao. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thao khai không có nợ chung, không kê khai tài sản chung không yêu cầu giải quyết, anh H khai không có tài sản chung, nợ chung. Do vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Lò Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Lò Văn H nên xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, anh H cư trú tại Huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La do vậy Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Thao và anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn H kết hôn từ năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mường Sai, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La vào ngày 21/3/2011. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của chị Lò Thị T và anh Lò Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thấy:

Sau khi kết hôn chị Thao và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H vi phạm pháp luật đang phải chấp hành án phạt tù thời gian dài, chị Thao và anh H không còn tồn tại cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi chị Thao khởi kiện, anh H cũng nhất trí lý hôn. Do vậy việc quyết định cho anh chị ly hôn là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của anh chị và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thao và anh H có hai con chung Lò Manh D sinh ngày 16/6/2009 và Lò Huyền H sinh ngày 28/4/2014. Chị Thao có yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H

nhất trí giao cả hai con chung cho chị Thao trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Theo kết quả ghi nhận ý kiến của cháu Lò Huyền H cháu có nguyện vọng được sống với chị Thao nếu chị Thao và anh H ly hôn. Còn cháu Lò Manh D hiện tại đã bỏ học đi làm thuê không rõ địa chỉ ở đâu do vậy Toà án không thể ghi nhận được ý kiến của cháu Duy. Hơn nữa hiện tại anh H đang chấp hành án phạt tù dài hạn không có mặt tại địa phương. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ nhỏ cần giao cả hai con chung cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 69 và khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều khai không có nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản chung, bị đơn khai không có tài sản chung. Do vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ly hôn của chị Lò Thị T đối với anh Lò Văn H.

Xử cho chị Lò Thị T ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Lò Manh D sinh ngày 16/6/2009 và Lò Huyền H sinh ngày 28/4/2014 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000972 ngày

19/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị Thao đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Sai;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Toàn